

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 04/2023/HS-ST
Ngày 12 - 01 - 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hào

2. Bà Lê Thị Bích Thuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân huyện B.X xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số: 163/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2022 theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 03 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1995 tại thị trấn Đ.Đ, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ dân phố Trại Dật, thị trấn Đ.Đ, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: không; con ông Nguyễn Văn Hi, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973; vợ: Lê Thị A, sinh năm 1997, con: 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2022; Tiền án: 01. Tại bản án số 04/2019/HSST ngày 03/01/2019, Nguyễn Văn H bị Tòa án nhân dân thành phố V.Y, tỉnh Vĩnh Phúc tuyên phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Ngày 03/01/2021 H chấp hành xong thời gian thử thách án treo, ngày 02/03/2019 chấp hành xong 200.000đ tiền án phí sơ thẩm (chưa được xóa án tích). Tiền sự: Không; Hoạt động bản thân: Tháng 9/2015 nhập ngũ vào quân đội nhân dân Việt Nam, đóng quân tại Đại đội BB6, Tiểu đoàn BB5, Trung đoàn BB692, Sư đoàn BB301, Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội, đến ngày 7/2017 xuất ngũ về địa phương. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/9/2022 đến ngày 10/9/2022 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. (Có mặt).

- Bị hại:

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966. Địa chỉ: Tổ dân phố T.Tr, thị trấn Đ.Đ, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố T.Tr, thị trấn Đ.Đ, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Nguyễn Văn Hi, sinh năm 1972. Địa chỉ: Tổ dân phố Trại Dật, thị trấn Đ.Đ, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

+ Chị Lê Thị A, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ dân phố Trại Dật, thị trấn Đ.Đ, huyện B.X, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H là đối tượng không có nghề nghiệp. Khoảng tháng 5/2021 (không rõ ngày cụ thể) do có nhu cầu sửa nhà nên bà Nguyễn Thị T (là thím của H) và bà Nguyễn Thị M (là chị gái ruột của bà T) cùng ở chung nhà tại Tổ dân phố T.Tr, thị trấn Đ.Đ, huyện B.X nhờ H giới thiệu chỗ vay tiền để bà M, bà T đến làm thủ tục vay tiền. Do trước đây đã từng vay tiền tại Ngân hàng nên H có quen biết với nam giới tự giới thiệu tên C (không rõ tên tuổi, địa chỉ) làm môi giới vay vốn cho các Ngân hàng nên H hứa sẽ giới thiệu C để bà M, bà T làm thủ tục vay tiền. Sau đó, H liên lạc với C thì được C hẹn gặp vào ngày hôm sau. Ngày hôm sau H điều khiển xe mô tô trở bà M đến khu vực siêu thị Copmart thuộc phường K.Q, thành phố V.Y để gặp C. Tại đây, C dẫn H và bà M đến gặp Tr (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) là người môi giới cho vay ở tại phòng trọ của gia đình bà Trần Thị C, sinh năm 1955 trú tại: tổ dân phố V.T.T, phường K.Q, thành phố V.Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Tr lấy thông tin của bà M tra trên hệ thống Mạng và thông báo cho H, bà M biết việc bà M có nợ xấu (khoản vay trả góp mua tivi của bà M không trả được lãi và gốc hàng tháng) tại Ngân hàng nên việc vay tiền sẽ khó khăn, sau đó, H trở bà M ra về. Lúc này, biết bà M đang rất cần vay tiền nên H nảy sinh ý định lừa lấy tiền của bà M, H nói dối với bà M phải đưa cho H 4.000.000 đồng là phí lót tay để khoản vay 50.000.000 đồng được phê duyệt. Bà M tin lời H nói là thật nên đã đưa cho H số tiền 4.000.000 đồng và H đã tiêu sài cá nhân hết. Khoảng 02 ngày sau, bà T tiếp tục nhờ H đưa đi làm hồ sơ vay số tiền 100.000.000 đồng, H đồng ý rồi đưa bà T lên gặp Tr. Khi kiểm tra thông tin Tr thông báo cho bà T và H biết bà T có khoản nợ xấu (do bà T vay trả góp mua xe máy chưa trả hết nợ) do đó việc vay tiền sẽ gặp khó khăn nên cần đợi để C và Tr tiến hành thẩm định tài sản thế chấp và liên hệ lại sau. Biết được thông tin này nên H tiếp tục nảy sinh ý định lừa lấy tiền của bà T. Trên đường đưa bà T về H nói dối bà T muốn vay được tiền cần đưa cho H 7.000.000 đồng là phí lót tay, bà T đồng ý và đưa cho H số tiền 7.000.000 đồng. Khoảng 4 ngày sau, C gọi điện cho bà T thông báo về việc sẽ đến nhà thẩm định nhà, bà T gọi điện nhờ H đón C và đưa vào nhà tại tổ dân phố T.Tr, thị trấn Đ.Đ. Tại đây,

C chụp ảnh chứng minh thư, sổ hộ khẩu, nhà đất của bà T, lúc này do muốn có thể vay được tiền nên bà T gặp riêng H nhờ H tác động với C để C nhờ cho bà T vay được tiền nhanh. Thấy vậy, H tiếp tục nảy sinh ý định lừa lấy tiền của bà T nên bảo bà T đưa cho H 25.000.000 đồng để H tác động làm thủ tục duyệt nhanh khoản vay. Bà T tin tưởng lời H nói là thật nên sau đó bà T tiếp tục đưa cho H 25.000.000 đồng (lần 1 đưa 15.000.000 đồng, lần 2 đưa 10.000.000 đồng không nhớ ngày đưa tiền cụ thể). Toàn bộ số tiền 36.000.000 đồng H chiếm đoạt của bà M và bà T, H đã tiêu sài cá nhân hết không dùng để chi phí cho bất kỳ ai làm thủ tục vay tiền cho bà M và bà T.

Bà M và bà T, sau nhiều ngày không thấy có thông tin từ Ngân hàng về việc được phê duyệt đối với các khoản vay nên đã nhiều lần tìm gặp H để đòi tiền nhưng H tránh mặt, không trả tiền. Biết mình bị lừa nên ngày 31/8/2022 bà M, bà T đã có đơn trình báo C an huyện B.X. Nguyễn Văn H sau khi biết bà M, bà T đã trình báo sự việc H lừa tiền của 02 bà đến C an huyện B.X nên sáng ngày 01/9/2022 H đã đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Ngoài ra cũng trong khoảng đầu năm 2021 bà T còn cho H vay cá nhân số tiền 31.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra C an huyện B.X đã tạm giữ của bà Nguyễn Thị T 01 giấy xác nhận khoản vay đề ngày 20/5/2022 giữa bà T và H về số tiền 31.000.000 đồng (bản photo).

Cáo trạng số: 172/CT-VKSBX ngày 30 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X truy tố Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên, bị cáo thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn H. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 01/9/2022 đến ngày 10/9/2022.

Bị hại bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra bà M, bà T xác nhận toàn bộ sự việc bị cáo H lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bà. Đến nay các bà đã nhận đủ tiền do H trả lại, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự, đồng thời có đơn xin miễn, giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn Hi, chị Lê Thị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai trong quá trình điều tra ông Hiệp, chị Anh xác nhận toàn bộ số tiền 36.000.000 đồng bồi thường cho bà M,

bà T là của gia đình, ông Hi và chị A là người đứng ra bồi thường thay cho H, đến nay ông Hi và chị A không có yêu cầu, đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an huyện B.X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều H pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù H với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như: Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; phù H với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Do có mối quan hệ quen biết nên trong tháng 5/2021 bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị T có nhờ Nguyễn Văn H đưa đi vay tiền. Lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của bà M, bà T nên H đã nói dối cần chi phí lót tay cho khoản vay và yêu cầu bà M, bà T đưa tiền cho H 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Nguyễn Văn H nói dối cần chi phí lót tay cho khoản vay 50.000.000 đồng và yêu cầu bà M đưa cho H số tiền 4.000.000 đồng.

Lần 2, lần 3: H nói dối cần chi phí lót tay cho khoản vay 100.000.000 đồng đã yêu cầu bà T đưa cho H số tiền 32.000.000 đồng (lần 2 là 7.000.000 đồng; lần 3 là 25.000.000 đồng).

Tổng trị giá tài sản H đã chiếm đoạt của bà M, bà T là 36.000.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Văn H lừa đảo chiếm đoạt tài sản với giá trị tài sản là 36.000.000 đồng đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm...”

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H thành khẩn khai báo, thực sự tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện sửa chữa, tác động gia đình bồi thường thiệt hại là tiền cho các bị hại; các bị hại đều có đơn xin miễn, giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo H khi biết sự việc bị phát hiện H đã đến Công an huyện B.X đầu thú, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân của bị cáo: Trước khi phạm tội Nguyễn Văn H là người có nhân thân xấu, năm 2019 H đã bị Tòa án nhân dân thành phố V.Y xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, H chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm buộc bị cáo phải cách ly khỏi cuộc sống cộng đồng để chấp hành hình phạt tù một thời gian như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, đại diện gia đình bị cáo H là ông Nguyễn Văn Hi, chị Lê Thị A đã bồi thường cho bà M số tiền 4.000.000 đồng và cho bà T số tiền 32.000.000 đồng theo yêu cầu của bà M, bà T. Sau khi nhận đủ tiền bà M, bà T không có yêu cầu đề nghị gì thêm, ông Hiệp và chị Anh đều không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Đối với 01 giấy xác nhận khoản vay số tiền 31.000.000 đồng do bà T giao nộp, quá trình điều tra xác định đây là khoản vay dân sự giữa bà T và H, không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra không thu giữ bản chính, 01 bản photo đã được đưa vào làm tài liệu trong hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này còn có 02 người tự giới thiệu tên C và Tr là người mà H khai đã đưa bà M, bà T lên gặp để nhờ môi giới vay tiền. Trong tháng 5/2021 H đã đưa bà M, bà T đến gặp C và được C dẫn đến gặp Tr tại phòng trọ thuê của gia đình bà Trần Thị C, sinh năm 1955 trú tại tổ dân phố V.T.T, phường K.Q, thành phố V.Y, tỉnh Vĩnh Phúc để hỏi thủ tục vay tiền. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại gia đình bà Cúc, tuy nhiên bà Cúc cho biết Tr đã chuyển đi từ tháng 11/2021, hiện không có thông tin đăng ký tạm trú. Bị cáo H không biết thông tin, địa chỉ cụ thể của C và Tr. Việc H chiếm đoạt tiền của bà M và bà T thì H không nói cho C và Tr biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không xác định được danh tính, không đề cập xử lý là phù H.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí

hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **01 (Một)** năm **09 (Chín)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 01/9/2022 đến ngày 10/9/2022.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B.X;
- CQĐT - CA huyện B.X;
- CQCSTHAHS-CA huyện B.X;
- Chi cục THADS huyện B.X;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP, THAHS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan